

Bản án số: 73/2019/HS-ST
Ngày 06 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung và ông Phạm Xuân Thọ

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Ủy ban nhân dân phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2019/ HSST ngày 17 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX ngày 23 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến H, sinh ngày 30/6/1976; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hoá: 7/12; nghề nghiệp: Không; đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Tiến H1 và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Lê Thị T và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: 01. Tại bản án số 45/2015/HSST ngày 25/6/2015, Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2017, án phí hình sự sơ thẩm ngày 06/01/2016); nhân thân: Ngày 03/01/2003, Công an huyện ML xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, mức phạt 100.000đ; bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 26/02/2019; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị N, trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lê Văn Th, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố ĐN, phường TC, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố ĐN, phường TC, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 18/02/2019, Tổ công tác Công an phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc trong khi làm nhiệm vụ tại đường ĐV đã kiểm tra hành chính, phát hiện trên tay trái của Nguyễn Tiến H cầm 02 gói giấy nhỏ bên trong có chứa chất cục bột màu trắng, Tổ công tác tiến hành niêm phong ký hiệu A1 (H khai nhận là ma túy heroine vừa mua với giá 400.000đ, mục đích để sử dụng cho bản thân). Ngoài ra, tạm giữ của H số tiền 350.000đ, 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel, 01 xe máy nhãn hiệu Nakasei BKS: 88S8-0157.

Tại kết luận giám định số 266 ngày 22/02/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,4009g (không kể bao bì). Khối lượng Heroine trong 0,4009g mẫu là 0,1625g.*

Về nguồn gốc gói ma túy, bị cáo Nguyễn Tiến H khai nhận: H đi đến phòng trọ số 4 của một khu nhà trọ ở trong ngõ trên đường Đàm Vạc, phường Đ, thành phố V, H mua 02 gói ma túy heroine với giá 400.000đ của một phụ nữ (không rõ đặc điểm nhận dạng, nhân thân, lai lịch) ở bên trong phòng trọ. Quá trình điều tra xác minh tại Công an phường Đ xác định phòng trọ nêu trên là của Trần Thị Lan H2 thuê và lời khai của H2 khai nhận, phòng trọ nêu trên là của H2 thuê mục đích để chứa đồ đặc sinh hoạt, không sinh hoạt tại phòng trọ này và ngày 18/02/2019, H2 đi thành phố Hà Nội chơi, không biết và không bán ma túy cho H.

Tại Cáo trạng số: 70/CT-VKSTP.VY ngày 17/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố Nguyễn Tiến H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Lê Thị T tại phiên tòa khai nhận không biết ngày 18/02/2019 bị cáo H sử dụng xe của chị đi mua ma túy. Anh Lê Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan điều tra đã khai nhận chiếc xe là của anh cho chị T làm phương tiện đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của

Bộ luật Tố tụng hình sự để giải quyết vật chứng của vụ án và không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Tiến H tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội; phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 18/02/2019, tại khu hành chính 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Tiến H có hành vi tàng trữ 02 gói ma túy heroine (có trọng lượng 0,4009g, trọng lượng heroine trong mẫu vật thu giữ là 0,1625g), mục đích để sử dụng thì bị Công an phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra hành chính phát hiện và lập biên bản sự việc.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Tiến H đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Nội dung điều luật quy định: “*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

c) Heroine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

[2] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Tàng trữ, sử dụng ma túy là một tệ nạn cần phải loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội, ma túy không những làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, sói mòn đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc mà còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 03/01/2003 bị Công an huyện ML xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” và 01 tiền án tại Bản án số 45/2015/HSST ngày 25/6/2015, Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép*

chất ma túy” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, chứng tỏ bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải. Vì vậy, cần phải xử bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[4] Về đối tượng liên quan và vật chứng:

Đối với người bán ma túy cho bị cáo, bị cáo không biết tên, tuổi và địa chỉ nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với số tiền 350.000đ và chiếc điện thoại nhãn hiệu Viettel là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Nakasei BKS: 88S8-0157 là tài sản anh Lê Văn Th cho chị Lê Thị T mượn, làm phương tiện đi lại. Bị cáo sử dụng xe máy BKS: 88S8-0157 đi mua ma túy để sử dụng, chị T không biết nên ngày 11/4/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho chị T là phù hợp.

Đối với mẫu vật ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 02 (hai) năm tù về

tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 26/02/2019 . Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Nguyễn Tiến H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel và 350.000đ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định gồm: Mẫu A1 = 0,2045g và toàn bộ bao gói.

(Các vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V).

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Tiến H.

4. Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- TTG Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Mâu Văn Mùi